

Số/ No.: 20231013/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2023
Ho Chi Minh City, October 13, 2023

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 12/10/2023
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	4,300	9.21%
2	AGR	100	0.17%
3	BID	300	1.19%
4	BMI	100	0.24%
5	BSI	100	0.40%
6	BVH	100	0.40%
7	CTG	900	2.50%
8	CTS	100	0.26%
9	EIB	1,900	3.16%
10	EVF	500	0.55%
11	FTS	200	0.87%
12	HCM	300	0.88%
13	HDB	2,700	4.48%
14	LPB	2,600	3.48%
15	MBB	3,700	6.46%
16	MIG	100	0.16%
17	MSB	2,400	3.17%
18	OCB	1,400	1.74%
19	ORS	200	0.35%
20	SHB	3,700	3.80%
21	SSB	1,800	4.20%
22	SSI	1,400	4.49%
23	STB	2,500	7.49%
24	TCB	3,000	9.23%
25	TPB	1,700	2.69%
26	TVS	100	0.22%
27	VCB	800	6.53%
28	VCI	400	1.58%
29	VDS	100	0.15%
30	VIB	1,700	3.14%
31	VIX	900	1.36%
32	VND	1,200	2.51%
33	VPB	6,200	12.75%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	1,934,394	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)
- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

1,058,185,000
1,060,119,394
1,934,394



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
 + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
 + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	22,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	42,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	42,200	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
4	BVH	42,600	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	MBB	18,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MSB	14,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	TCB	32,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	VCB	86,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
9	VCI	41,950	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
10	VIB	19,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ <i>This period</i> (*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**)	Chênh lệch/ Difference
	12/10/2023	11/10/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	28,000,000	28,000,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	10,600.00	10,600.00	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	296,833,430,368	294,133,102,212	2,700,328,156
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,060,119,394	1,050,475,365	9,644,029
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	10,601.19	10,504.75	96.44
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,866.26	1,869.55	(3.29)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 11/10/2023

/ *Item 5 is net asset value at 11/10/2023*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 10/10/2023

/ *Item 5 is net asset value at 10/10/2023*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

**CÔNG TY
 TNHH
 QUẢN LÝ QUỸ
 KIM VIỆT NAM**
 QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Yun Hang Jin
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

